

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 765/2020/HC-ST

Ngày: 12 - 6 -2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
2. Bà Trần Thị Xuân Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh PH – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/6 và ngày 12/06/2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 122/2018/HCST ngày 18 tháng 04 năm 2018 và tuyên án ngày 12/06/2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2570/2020/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 5 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5886/2020/QĐST-HC ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số 45 đường A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Tấn M, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: 45 đường A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn H, huyện D, TP.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã K, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn H, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông La Văn D, sinh năm 1951 (có mặt).

3.2. Bà Trần Thị G, sinh năm 1953 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 43/4 Ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 45 đường A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Tấn M là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Lê Văn H có một thửa đất tọa lạc tại xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 1983m² thuộc thửa số 682, tờ bản đồ số 02 (Theo Tài liệu 02/CT-UB). Năm sát phân đất của ông là đất của ông La Văn D. Năm 1995, ông D được Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D số 2052/QSDĐ ngày 30/8/1995 với diện tích là 9191m² (trong đó bao gồm cả phần diện tích đất 1983m² của ông H). Phần đất này từ trước tới giờ ông H vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Đất này do ông nội ông là ông Lê Văn Trễ để lại cho cha ông là ông H sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Năm 2008, khi ông H đề nghị cấp giấy chứng nhận thì mới biết được phần đất của ông đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông La Văn D số 2052/QSDĐ ngày 30/08/1995 và ngày 24/02/2001 ông D được UBND huyện D cấp đổi sang giấy chứng nhận mới số 524/QSDĐ. Từ đó ông mới viết đơn lên cấp chính quyền nhờ xem xét, giải quyết.

Tháng 01/2008, vụ việc đã được UBND xã C, huyện D giải quyết hòa giải, kết quả ông D thừa nhận rằng phần đất của ông H đã được UBND huyện

D cấp giấy chứng nhận nhằm cho ông D. Ông D đồng ý giao trả lại cho ông H phần đất mà ông đã đăng ký nhằm. Tuy nhiên, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D đang có liên quan trong vụ lừa đảo do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết chưa xong nên ông D không thể làm thủ tục tách thửa phần đất của ông H ra được.

Đến ngày 12/09/2011, do vụ việc chưa được giải quyết nên ông H có viết đơn gửi lên UBND huyện D kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

Ngày 29/11/2011, UBND huyện D ban hành công văn số 5737/UBND-VP về việc giải quyết đơn của ông, theo đó, UBND huyện D cho rằng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D đã bị nhóm lừa đảo lấy đem thế chấp ở bên ngoài, vụ việc hiện Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn đang thụ lý giải quyết chưa xong. Do vậy việc ông H yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D là chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết. Đề nghị ông H chờ kết quả giải quyết của tòa án.

Ngày 29/02/2012, ông H tiếp tục làm đơn gửi lên UBND huyện D khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông D.

Ngày 04/4/2012, UBND huyện D ra công văn số 1712/UBND-VP chỉ đạo giao phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét đề xuất giải quyết.

Ngày 04/9/2012, ông H tiếp tục làm đơn đề nghị xem xét, giải quyết.

Ngày 11/9/2012, UBND huyện D có công văn số 6278/UBND-VP tiếp tục chỉ đạo giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét đề xuất giải quyết.

Sau đó, ngày 24/10/2012, UBND huyện D ban hành Công văn số 7402/UBND-VP về việc giải quyết đơn của ông. UBND huyện D cho biết trường hợp của ông H UBND huyện D đã có Công văn số 5737/UBND-VP ngày 29/11/2011, theo đó việc ông yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D là chưa xem xét giải quyết được. UBND huyện D đề nghị ông H tiếp tục chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/12/2015, ông H tiếp tục làm đơn gửi lên UBND huyện D đề nghị thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D.

Ngày 04/01/2016, UBND huyện D có Công văn số 03/UBND-VP-TCD tiếp tục giao cho phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện D thẩm tra, xác minh, nhưng sau đó cũng không có kết quả.

Ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại. Đến ngày 01/06/2016, UBND huyện D có Công văn trả lời số 4440/UBND-VP-TCD về việc giải quyết đơn của ông với nội dung như sau: Ngày 31/03/2016, UBND huyện D có văn bản số 2433/UBND-TNMT gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sớm xét xử vụ việc của ông La Văn D. Trước khi có kết quả của Tòa án, UBND huyện D đề nghị ông tiếp tục chờ. Sau khi có kết quả của tòa án, sẽ xem xét giải quyết đơn của ông

theo quy định. Nhưng, theo ông được biết ngày 14/04/2016, Tòa án nhân dân thành phố đã có văn bản trả lời số 626/TATP-VP với nội dung: qua kiểm tra, Tòa án nhân dân thành phố không tìm thấy thông tin vụ án, đề nghị UBND huyện D cung cấp rõ thông tin vụ kiện thì Tòa án nhân dân thành phố mới có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 28/12/2016, ông H tiếp tục làm đơn gửi UBND huyện D yêu cầu UBND huyện D cung cấp thông tin vụ án lừa đảo liên quan đến ông D, nhưng không nhận được phản hồi của UBND huyện D.

Đến ngày 23/02/2017, UBND huyện D mới có văn bản trả lời số 1780/UBND-TNMT với nội dung: Sau khi nhận được văn bản trả lời số 626/TATP-VP của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 09/02/2017, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D có biên bản làm việc với ông La Văn D. Qua trao đổi được biết hiện nay vụ việc của ông có liên quan đến vụ án lừa đảo đang được Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết cho đến nay. Do đó, đề nghị ông H chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1. Sau khi có kết quả của tòa án mới xem xét giải quyết đơn của ông.

Ngày 22/9/2017, ông có làm đơn gửi Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu cung cấp thông tin vụ án. Đến ngày 04/12/2017, Tòa án nhân dân Quận 1 có văn bản trả lời số 68/TAQ1 với nội dung không tìm thấy thông tin vụ án.

Do UBND huyện D đã làm không đúng quy định, không đúng trình tự, thủ tục dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận cho sai cho ông D. Không những vậy, khi biết đã cấp giấy chứng nhận sai đối tượng thì lại không có biện pháp để giải quyết, cụ thể là ban hành quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận của ông D. Việc UBND huyện D cấp giấy chứng nhận cho ông D bao gồm cả phần đất của ông H đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ do UBND huyện D cấp ngày 30/8/1995 cho ông La Văn D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ do UBND huyện D cấp cho ông La Văn D ngày 24/02/2001. Thực tế, phần diện tích 1983m² đất thuộc thửa 682 này do ông H vẫn đang quản lý, sử dụng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Việt D– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D có Bản tường trình ngày 03/3/2020 như sau:

Phần đất ông Lê Văn H tranh chấp với ông La Văn D có diện tích 1.983m² thuộc thửa số 682, tờ bản đồ số 02 (tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã C, huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Lê Văn H.

Năm 1995, ông D kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông và ông kê khai luôn phần đất của ông Lê Văn H như đã nêu trên và được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ ngày 30/08/1995 diện tích 9.191m² (trong đó có phần đất của ông Lê Văn H).

Năm 2001, ông D cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và được UBND huyện D cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) số 524/QSĐĐ/ĐG ngày 24/02/2001 (trong đó có phần đất của ông Lê Văn H).

Tại văn bản số 2483/UBND-TNMT ngày 19/3/2020 của UBND huyện D có ý kiến đối với Thông báo thụ lý bổ sung số 1403/TB-TLVA, UBND huyện D xác định hiện nay, toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D đã bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông La Văn D trình bày:

Đất này do ông mua của bà Trương Thị Sẻ, người cùng ấp, có diện tích khoảng 0.30 ha, mua ngày 20/12/1984 (mua giấy tay có người làm chứng) từ đó ông xây dựng nhà ở trên đất này cho đến nay.

Năm 2001, ông được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSĐĐ ngày 24/02/2001 với diện tích là 9.191m² (cấp đổi từ giấy chứng nhận số 2052/QSĐĐ ngày 30/08/1995).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên ông đã đưa cho bà Phạm Thị Phụng sinh năm 1954, ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện D giữ từ năm 2002. Lý do đưa bản chính giấy chứng nhận cho bà Phụng là nhờ bà vay tiền dùm để chăn nuôi, từ đó bà Phụng không trả lại.

Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSĐĐ ngày 30/08/1995 và giấy chứng nhận số 524/QSĐĐ ngày 24/02/2001 có thể hiện phần diện tích đất 1983m², thuộc thửa 682, Tờ bản đồ số 2 xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông đăng ký nhằm của ông Lê Văn H. Ông H khiếu nại việc UBND huyện D cấp nhằm diện tích và được UBND xã C hòa giải ngày 01/8/2008. Vụ lừa đảo giấy chứng nhận của ông hiện nay do cơ quan cảnh sát điều tra giải quyết. Tuy nhiên, ông D không biết rõ là cơ quan nào, cũng không biết được thông tin về việc giải quyết vụ án. Nay ông H khởi kiện đòi hủy giấy chứng nhận để UBND huyện D điều chỉnh trả lại 1983m² cho ông H phần diện tích đất này ông đồng ý vì thực tế đây là đất của ông H nhưng bị UBND huyện D cấp trùng. Ngoài việc ông H có yêu cầu lấy lại phần diện tích 1983m² đất này, phần còn lại ông đang quản lý, sử dụng, không có ai khác tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G trình bày:

Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H có ý kiến trình bày tại Bản tự khai như sau:

Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông H.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu

đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, văn bản trả lời số 2483/UBND-TNMT ngày 19/3/2020 của người bị kiện cùng lời trình bày của ông La Văn D trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định phần diện tích đất 1983m² thuộc thửa số 682, tờ bản đồ số 02 xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn H nhưng bị UBND huyện D cấp trùng cho ông La Văn D nên yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện là ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSĐĐ ngày 30/8/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSĐĐ/ĐG ngày 24/02/2001 của UBND huyện D Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Xét quá trình khiếu nại kéo dài của ông Lê Văn H từ năm 2008 và các đơn của ông H thì đơn khởi kiện của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính nên được xem xét chấp nhận.

[1.3] Về việc ủy quyền của các đương sự:

Xét thấy: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Việt D- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Nguyễn Việt D là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu tiến hành thủ tục tố tụng vắng mặt; ông Nguyễn Văn V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án

ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện D cho rằng toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D đã bị thất lạc, không cung cấp được cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 524/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 24/02/2001 thay thế cho Giấy chứng nhận số 2052/QSDĐ ngày 30/8/1995 thì ông La Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 9.191m² gồm các thửa đất số 682, 600, 601, 602, 603, 379, 478 Tờ bản đồ số 02, 03 (tài liệu 02/CT - UB), bộ địa chính xã C, huyện D.

Lời trình bày của ông La Văn D và người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện D đều thừa nhận việc UBND Huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D đã trùng lên phần diện tích đất của hộ ông Lê Văn H, cụ thể, phần diện tích đất 1.983 m² thuộc thửa 682, tờ bản đồ số 02 (tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã C, huyện D thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn H.

Xét quá trình khiếu nại của ông H đối với phần diện tích đất bị cấp trùng cho ông La Văn D kéo dài từ năm 2008 đến nay nhưng được UBND huyện D giải quyết. Phía ông D cũng thừa nhận thửa đất 682 không thuộc quyền sử dụng của ông D mà thuộc quyền sử dụng của ông H. Do vậy, ông D cũng đồng ý trả lại cho ông H và đề nghị UBND huyện D làm thủ tục tách thửa để trả lại phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông H.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần diện tích 1.983 m² thuộc thửa 682, tờ bản đồ số 02, bộ địa chính xã C, huyện D thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn H.

Về ý kiến của UBND huyện D đối với khiếu nại của ông H về việc đề nghị ông H chờ kết quả xét xử vụ án hình sự liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D:

Tại các Văn bản số 5737/UBND-VP ngày 29/11/2011, Văn bản số 7402/UBND-VP ngày 24/10/2012, Văn bản số 4440/UBND-VP ngày 01/6/2016, Văn bản 1781/UBND -VP ngày 23/02/2017 do UBND huyện D ban hành có nội dung trả lời khiếu nại cho ông H và đề nghị ông H chờ kết quả giải quyết vụ án hình sự liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ ngày 24/02/2001. Tuy nhiên, xét nội dung Văn bản số 626/TATP-

VP ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 68/TAQ1 ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phản hồi ý kiến cho Ủy ban nhân dân huyện D đều xác nhận không tìm thấy thông tin về vụ án có liên quan.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Xét thấy, người bị kiện là UBND huyện D cho rằng cần chờ kết quả xét xử vụ án hình sự có liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ ngày 24/02/2001 nhưng UBND huyện D cũng không chứng minh được vụ án hình sự này đang do cơ quan nào thụ lý, có liên quan thế nào đến quyền và nghĩa vụ của ông D.

Tại lời khai ngày 03/3/2020 của ông Nguyễn Việt D là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và Văn bản số 2483/UBND –TNMT ngày 19/3/2020, Ủy ban nhân dân huyện D cũng thừa nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ ngày 30/8/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ ngày 24/02/2001 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông La Văn D có sự cấp trùng phần diện tích từ ông H sang ông D.

Xét thấy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H lẫn ông D, căn cứ sự thừa nhận của UBND huyện D về việc cấp trùng diện tích 1.983m² đất của ông H cho ông D, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ ngày 30/8/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ ngày 24/02/2001 do UBND huyện D đã cấp cho ông La Văn D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Yêu cầu này của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; Điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/1995 cho ông La Văn D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đổi ngày 24/02/2001 cho ông La Văn D.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2052/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/1995 cho ông La Văn D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 524/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đổi ngày 24/02/2001 cho ông La Văn D.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/0044211 ngày 11/4/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Cục THA dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

